

## 2022 세계 한국어 한마당

### 소주제 2: 해외 현재 맞춤형 한국어언어문화 교육 자료 개발

#### 토론문

##### 1. 문제 제기

한국어 교육이 날이 갈수록 세계 곳곳에 팽창하게 된다고 할 수 있다. 이제 한국어를 공부하기 위해 한국까지 가지 않아도 현지에서 한국어를 공부할 수 있게 된 시대가 되었다. 따라서 그러한 학습 대상자를 위해 맞춤형 한국어언어문화교육 자료가 그 어느 때보다 필수적이다. 한국에서 직접 공부한다면 물론 한국에서 집필하여 출판된 교재가 적절한 학습 자료가 되지만 현지에서 공부한다면 한국에서 집필하여 출판된 교재는 더 이상 적절한 교재가 아닐 수도 있다. 왜냐하면 학습자가 한국에서 생활하면서 한국 사람과 직접 의사소통하고 한국문화를 직접 체험하는 것이 아니기 때문이다. 그런데 맞춤형 한국어언어문화 교수학습 자료를 개발하는 것이 하루 아침에 진행할 수 있고 원하는 대로 바로 해결할 수 있는 일이 아니다.

한국어는 우리 나라 베트남에서 한국과 베트남이 정식으로 외교관계를 맺은 후부터 교육되기 시작하였으며 지금까지 거의 30 년이 되었다. 베트남에서의 한국어 교육은 질적으로나 양적으로 그 동안 많은 성과를 거두었다고 할 수 있다. 베트남에서 현재 3 년제 대학을 비롯한 한국어 교육기관은 52 군데가 있고 한국어 전공 학생 수는 18,000,000 명 정도 되었다. 뿐만 아니라 2016 년에 베트남 교육부와 주베트남 한국대사관 간의 협의로 하노이와 호찌민시에서 중학생들에게 제 2 외국어로서의 한국어를 시범적으로 교육하였다. 그 다음에 2018 년에 제 2 외국어로서의 한국어교육과정이 정식으로 승인되었고 하노이, 호찌민, 하이퐁 등과 같은 베트남의 대도시에서 본격적으로 교육하기 시작되었다. 한국어가 제 2 외국어로 채택됨에 따라 베트남 교육부 소속의 중등교육국에서 제 2 외국어로서의 한국어 교과서 개발을 진행하게 되었다. 교육대상도 베트남 학생이고 교육현장도 베트남이기 때문에 베트남 학생을 위한 맞춤형 한국어 교과서 개발이 시급했다. 그러므로 2018 년에 제 2 외국어로서의 한국어 교과서 시범판을

개발하였고 2021 년에 한국교육부의 지원을 받아 베트남 학생을 위한 맞춤형 한국어 교과서 개발 사업을 진행하였다. 맞춤형 교과서인만큼 교과서에 현지화 요소를 반영시키도록 하였다.

## 2. 베트남 학생을 위한 맞춤형 한국어 교과서 개발

먼저 제 2 외국어로서의 맞춤형 한국어 교과서는 베트남 교육부가 반포한 한국어교육과정을 바탕으로 하여 개발되었다. 중학교 1 학년부터 고등학교 3 학년까지 무슨 문법, 무슨 어휘, 무슨 주제를 가르치는지가 이미 선정되었다.

교과서의 교수요목 선정에 있어서 베트남 학생과 친숙한 주제들을 선택하였고 문화 내용도 베트남 학생을 비롯한 베트남 사람과 친숙한 것들을 선택하여 학습자가 한국문화와 베트남 문화를 비교할 수 있도록 제시하였다.

그렇다면 베트남 학생을 위한 맞춤형 한국어 교과서는 구체적으로 어떻게 현지화하였는가?

- 교재 구성표와 일러두기 등과 같은 앞붙이 부분은 베트남어로 제시된다.
- 등장인물은 한국인도 있고 베트남 현지인도 같이 선정된다.
- 지시문은 한국어와 베트남어로 병기 제시된다.
- 문화 내용과 발음 내용도 같이 교육하는데 한국어와 베트남어 병기 제시하거나 베트남어로만 제시된다.
- 대화나 말하기, 듣기, 읽기, 쓰기 등과 같은 기술을 다룰 때 본문에 베트남 지명, 베트남 음식 등 삽입된다.

## 3. 베트남 학생을 위한 맞춤형 한국어 교과서 7 권(중학교 2 학년)의 사례

### LỜI NÓI ĐẦU

Các em học sinh thân mến,

Trong năm học trước, các em đã được làm quen với bảng chữ cái tiếng Hàn, biết cách giao tiếp cơ bản về các chủ đề liên quan đến chào hỏi, giới thiệu, làm quen thông qua cuốn sách *Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 - Quyển 1*.

Tới *Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 - Quyển 2*, các em sẽ tiếp tục làm quen với các từ vựng và ngữ pháp liên quan đến các chủ đề quen thuộc gần gũi hằng ngày như: nơi và các hoạt động trong ngày, miêu tả vị trí của người hoặc đồ vật, các cách nói ngày tháng, thời gian... Đồng thời, các em cũng sẽ được làm quen với một số tính từ chỉ tính chất, đặc điểm để có thể miêu tả, bày tỏ cảm xúc của mình về các sự vật gần gũi xung quanh các em; học cách bày tỏ mong muốn thực hiện một việc gì đó. Đặc biệt, sau mỗi bài học, các em sẽ được tìm hiểu về một nét văn hoá của Hàn Quốc, để có thể hiểu biết hơn về xứ sở Kim chi cũng như con người nơi đây.

Trong quá trình biên soạn, chúng tôi đã nhận được sự hỗ trợ từ các cơ quan của Bộ Giáo dục và Đào tạo như Vụ giáo dục trung học, Đề án Ngoại ngữ Quốc gia, Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, Văn phòng của phát triển Văn hoá, Ngôn ngữ và Giáo dục, Khoa Ngôn ngữ và Văn hoá Hàn Quốc - Trường Đại học Ngoại ngữ - Đại học Quốc gia Hà Nội. Đồng thời, chúng tôi cũng đã nhận được sự giúp đỡ nhiệt tình của Bộ Giáo dục Hàn Quốc, sự hợp tác và hỗ trợ quý báu từ Quỹ Giáo dục tiếng Hàn ở nước ngoài, Đại sứ quán Hàn Quốc, Văn phòng đại diện phòng Giáo dục Hàn Quốc ở nước ngoài tại Việt Nam và Trung tâm Ngôn ngữ tiếng Hàn tại thành phố Hồ Chí Minh cũng như những ý kiến đóng góp của các nhà sư phạm môn tiếng Hàn. Những sự giúp đỡ, hợp tác, hỗ trợ đó đem lại thành công trong việc biên soạn và xuất bản cuốn sách giáo khoa này. Chúng tôi mong rằng cuốn sách giáo khoa này sẽ giúp tăng thêm mối quan tâm và niềm yêu thích dành cho tiếng Hàn của giáo viên và người học tiếng Hàn tại Việt Nam.

Xin trân trọng cảm ơn!

## 교과서 일러두기

### BỔ CỤC VÀ

Bài	Tên bài	Mục tiêu	Ngữ pháp	Trang
1	이 사람은 누구예요? Đây là ai vậy?	Biết cách hỏi về người bạn hoặc người thân trong các tình huống. Biết cách giới thiệu về một người cho đối phương.	누가, 누구	7
2	여기는 어디예요? Đây là phòng của ai?	Biết cách giới thiệu về địa điểm. Biết cách giới thiệu về địa điểm, có hoặc không có địa chỉ.	여기가 어디예요? 여요	13
3	책이 책상 위에 있어요? Quyển sách ở trên bàn phải không?	Biết cách giới thiệu vị trí của đồ vật, có hoặc không có địa chỉ.	여기예요/거기예요	21
연습 1	연습 1	Ôn tập kiến thức từ bài 1 đến bài 3		28
문화	문화	한국어 학교		31
문화	문화	Trường học ở Hàn Quốc		32
문화	문화	NỖ ÁM		32
4	지금 숙제를 하고요? Bây giờ đang làm bài tập.	Biết cách chia động từ theo cách nói thân mật, gần gũi.	-고 있어요/고요 고/물	33
5	오늘 도서관에 가요. Hôm nay tôi đi thư viện.	Biết cách nói về địa điểm đến. Biết cách nói về địa điểm đến.	여기/거기 어디	40
6	생일이 언제예요? Sinh nhật bạn là khi nào vậy?	Biết cách nói về ngày tháng năm.	언제 수다	47
연습 2	연습 2	Ôn tập kiến thức từ bài 4 đến bài 6		53
문화	문화	생일 축하 노래		57
문화	문화	Trường học sinh nhật		57
문화	문화	경문화 (1)		58
문화	문화	경문화 (2)		58

## 구성표

### 캐릭터 소개

남 선생님  
Thầy Nam

이 선생님  
Cô Lee

효영 선생님  
Cô Hyung

김 선생님  
Thầy Kim

하미  
Hà Mi

민  
Min

민호  
Min Ho

유미  
Yu Mi

## 등장인물

### 이 사람은 누구예요? Đây là ai vậy?

- 1 교실에 누가 있어요?  
Trong lớp có những ai?
- 2 여러분의 친구는 누구예요?  
Bạn của các em là ai?

## 단원 제목 및 도입질문

### 단원 개요

**Giới thiệu bài học**

KT năng: Biết cách giới thiệu về người thân hoặc bạn bè cho đối phương biết.

Từ vựng: Các từ vựng liên quan đến giới thiệu bạn bè, người thân.

Ngữ pháp: 누가, 누구

**기본 어휘**

**Từ vựng cơ bản**

가족	부모님	오빠
gia đình	bố mẹ	anh (em gọi anh)
형	언니	누나
anh (em trai gọi anh)	chị (em gái gọi chị)	chị (em trai gọi chị)
남동생	여동생	친구
em trai	em gái	bạn

## 단원 개요 및 어휘

### 대화

#### Hội thoại

안: 이게 뭐예요?  
유미: 초등학교 때 사진이에요.  
안: 누가 좀더 보여주세요?  
유미: 이 사람은 저예요.  
안: 이 사람은 누구예요?  
유미: 이 사람은 민호 씨예요.

초등학교 중학교/초  
학, 초, 학

- 1 대화를 듣고 따라 하세요. Em hãy nghe đoạn hội thoại và nhắc lại lời của nhân vật.
- 2 친구와 같이 대화를 읽어 보세요. Em hãy cùng bạn đọc đoạn hội thoại.

**문법 설명**

#### Giải thích ngữ pháp

- "누가, 누구" là từ để hỏi, được dùng khi hỏi về một người mà mình không biết, nghĩa tương đương trong tiếng Việt là "ai". "누가" là cách viết rút gọn của "누-가" và dùng để hỏi cho vị trí chủ ngữ trong câu.

Ví dụ:  
Ai? Ai là người? Ai là ai vậy?  
B: 선생님이에요. Là cô giáo.

## 대화 및 문법 설명

### 연습

#### Luyện tập

말하기 - Nói

- 1 <보기>와 같이 친구와 대화하세요. Em hãy nói với bạn theo mẫu.

<보기> 이 사람, 홍이 씨  
A: 이 사람은 누구예요?  
B: 이 사람은 홍이 씨예요.

1) 이 사람, 수미 씨      2) 이 사람, 민수 씨  
3) 이 사람, 효영 씨      4) 이 사람, 마이 씨

- 2 <보기>와 같이 친구와 이야기하세요. Em hãy nói với bạn theo mẫu.

<보기> 학생/효영 씨  
A: 누가 학생이에요?  
B: 효영 씨가 학생이에요.

1) 베트남 사람/홍이 씨      2) 가수/민호 씨  
3) 간호사/언니      4) 고등학교/오빠

Tiếng Hàn - Ngoại ngữ 2 - Quyển 2

듣기 - Nghe

- 1 잘 듣고 <보기>에서 알맞은 대답을 고르세요. Em hãy nghe và chọn đáp án đúng trong khung dưới đây.

(a) 유미 오빠가 이 사람이예요.      (b) 민호 누나가 회사원이예요.  
(c) 선생님님이 한국 사람이예요.      (d) 이 사람은 민수 씨예요.

## 기능별 지시문

### 문화

#### 한국의 학교

#### Trường học ở Hàn Quốc

- 1 한국의 초등학교, 중학교, 고등학교는 몇 학년으로 이루어져 있는지 아세요? 선생님과 같이 알아보세요.  
Em có biết cấp tiểu học, trung học cơ sở và trung học phổ thông ở Hàn Quốc có bao nhiêu lớp không? Hãy cùng giáo viên tìm hiểu.
- 2 베트남 학교와 한국 학교를 비교해 보세요.  
Em hãy so sánh trường học của Hàn Quốc và Việt Nam.

## 문화

### 발음

#### Phát âm

#### 연습

#### Nghe

- 1 잘 듣고 밑줄 친 부분의 발음 양식에 대해 말하세요. Em hãy nghe và nhận xét về cách phát âm của phần gạch chân trong các từ dưới đây.

1) 텔레비전  
2) 교실  
3) 언어

Nhớ âm là cách phát âm nối phụ âm cuối của âm tiết đứng trước với âm tiết liền kế tiếp để tạo thành nguyên âm.  
Lưu ý:  
- phụ âm cuối ở không nối âm, vì đó là nguyên âm.  
- phụ âm cuối kết hợp "ㄱ", "ㄴ" thì phụ âm tiếp theo sẽ nối và nguyên âm của âm tiết tiếp theo.

- 2 다음 단어를 잘 듣고 알맞은 발음을 고르세요. Em hãy nghe và chọn cách phát âm đúng của các từ dưới đây.

1) 텔레비전      2) 교실      3) 언어  
[텔레비전]      [교실]      [언어]  
[텔레비전]      [교사]      [말어]

- 3 잘 듣고 따라 읽으세요. Em hãy nghe và đọc theo.

1) 음악      2) 선생님      3) 방문 앞  
4) 학교      5) 밥      6) 물

- 4 다음 문장을 읽으세요. Em hãy đọc các câu dưới đây.

1) 수미는 발음 연습.  
2) 학생이 초등학교에 갔어요.  
3) 선생님이 학생을 가르치세요.

Các phần gạch chân có thể khác hơn không?

## 발음